TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 15, 10 - 14/04/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Đà giảm chi phối bất chấp chứng khoán toàn cầu khởi sắc"

Chứng khoán thế giới tiếp tục giữ sắc xanh trong hầu hết các ngày trong tuần. Sự kiện ảnh hưởng đến thị trường nhiều trong tuần này là tin về CPI và PPI ở Mỹ đều giảm cho thấy áp lực lạm phát hạ nhiệt. Cụ thể, chứng khoán tăng vọt trước thông tin CPI chỉ tăng 0.1% m/m, thấp hơn kỳ vọng một chút, đưa tỷ lệ này so với cùng kỳ năm trước lên 5.0% (tốc độ chậm nhất kể từ tháng 5 năm 2021). Ngoài ra, tin tức đáng khích lệ hơn nữa về phía nhà sản xuất về chỉ số PPI ở Hoa Kỳ giảm 0.1% trong tháng 3, đánh dấu mức giảm đầu tiên về giá mà các doanh nghiệp phải trả cho đầu vào kể từ đỉnh điểm của đại dịch 4/2020. Chốt tuần, chỉ số S&P500 tuần tăng 0.79% với nguyên vật liệu và công nghiệp là hai nhóm ngành tăng trưởng mạnh mẽ nhất. Chứng khoán châu Âu tăng khi lo ngại suy thoái được giảm bớt, chỉ số Stoxx Euro tăng mạnh 1.74%. Tại châu Á, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 3.54% do tâm lý được thúc đẩy từ thông tin công ty Berkshire Hathaway của Warrent Buffet sẽ tăng cường đầu tư vào Nhật bản. Tại Trung Quốc, mặc dù các khoản vay mới và dữ liệu thương mại gây bất ngờ về sự tăng giá, nhưng nó không đủ để bù đắp những lo ngại rộng lớn hơn về sức mạnh của sự phục hồi kinh tế. Chỉ số Shanghai Composite chỉ tăng nhẹ 0.32%.

Dầu thô WTI tương lai tiếp tục đà tăng thứ tư liên tiếp đạt trên 82 USD/thùng vào thứ Sáu, lơ lửng gần mức cao nhất trong 5 tháng. Trong bối cảnh các dấu hiệu thắt chặt nguồn cung dầu toàn cầu và nhập khẩu của Trung Quốc tăng mạnh, giá dầu đang trên đà đạt mức tăng 1.6% hàng tuần và đặc biệt tăng cao đạt 3.5% trong tuần này.

Chứng khoán Việt Nam đã có tuần giao dịch đầy bi quan cho thấy tâm lý tiêu cực của nhà đầu tư. Kết tuần, VNIndex giảm mạnh 1.57% xuống mức 1,052.89 điểm, chỉ số HNX Index giảm 2.06% xuống mức 207.25 điểm. Giao dịch khối ngoại bán ròng xuyên suốt cả tuần hơn 1,733 trên sàn HSX. Đa số các nhóm ngành giao dịch trong sắc đỏ, trong đó nhóm Tài nguyên cơ bản đóng vai trò tiêu cực ở chiều kéo giảm chỉ số. Thông tin đáng chú ý của tuần qua là Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai có hiệu lực từ ngày 20/5/2023. Trong tuần tới, thông tin về số liệu kinh tế vĩ mô Trung Quốc và việc công bố các chỉ số PPI, lạm phát và doanh số bán lẻ tại Anh là những tiêu điểm quan trọng thu hút sự chú ý của giới đầu tư.

Góc nhìn và khuyến nghị: Áp lực bán gần như chiếm ưu thế hoàn toàn trong giao dịch đẩy chỉ số đóng cửa tuần trong sắc đỏ. Khớp lệnh vẫn đạt mức cao trên bình quân 20 phiên. Những thông tin tích cực dường như đã được thị trường phản ảnh và sự chú ý bây giờ hướng tới KQKD Quý 1 của các doanh nghiệp. Lực cầu đang thiếu đi động lực để bứt phá, thay vào đó là tâm lý chốt lời và thận trọng che phủ. Về mặt kỹ thuật, chỉ báo MACD đã cắt xuống đường signal cùng với RSI cũng giảm về lại dưới mức 50 hàm ý thị trường đang ở pha điều chỉnh ngắn hạn. Ngưỡng 1,050 đóng vai trò là hỗ trợ gần nhất cho chỉ số trong khi kháng cự giờ đây là ngưỡng 1,080 điểm. Sự vận động rung lắc sẽ tiếp diễn để thị trường tìm được hướng đi.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,053	-1.6	1.2	-0.7	4.5		13.9	1.7	181
Upcom Index	79	0.7	3.9	9.2	9.8		12.3	1.6	42
HNX Index	207	-2.1	2.3	-1.9	0.9		24.5	1.2	10
VN30 Index	1,063	-1.4	2.5	-0.6	5.8		11.1	1.7	132
S&P 500 Index	4,146	1.0	5.8	3.7	8.0		20.2	4.1	36,118
STOXX Europe 600 Index	466	1.6	3.7	3.0	9.7		13.9	1.9	14,063
Hang Seng	20,439	0.5	6.2	-6.0	3.3		11.5	1.2	2,931
Nikkei 225	28,493	3.5	4.7	9.1	9.2		23.1	1.8	3,796
SHCOMP Index	3,338	0.3	2.9	4.5	8.1		12.9	1.4	7,048
STI Index	3,303	0.1	5.5	0.3	1.6		13.2	1.1	383
KOSPI Index	2,571	3.3	9.5	7.8	15.0		13.1	1.0	1,508

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mở tài khoản

[Chuyên viên phân tích] Trần Khang

☎ (84-28) 6287-8037

✉ khang.lt@shinhan.com

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	1M	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.6	0.7	4.3	-11.0	7.5	16.1	59.4	-2.3	11.4	1.7	3,625,093
Mid Cap	-1.0	5.3	7.0	-1.6	36.2	41.2	38.0	2.3	14.2	1.0	494,882
Small Cap	-1.5	2.8	5.0	-5.1	40.8	35.6	2.7	0.1	25.7	0.6	75,104

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD			% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	2.8	2.0	-5.8	31.9	51.2	48.3	2.9	0.9	14.5	2.3	78,409
Dược và Y tế	1.4	-1.2	0.9	39.4	33.0	30.5	0.2	0.1	12.5	1.8	30,760
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2	-0.2	-6.3	6.3	52.7	35.7	1.1	0.1	10.4	1.7	48,267
Bảo hiểm	-0.5	0.3	4.1	32.4	36.8	-3.1	0.3	0.1	7.2	1.6	47,319
Truyền thông	-0.6	20.6	40.1	-26.0	-11.1	-15.6	0.0	0.0	16.9	0.9	1,234
Công nghệ Thông tin	-1.1	1.4	3.3	-22.8	-8.5	-23.6	0.5	-0.1	16.7	2.7	99,537
Ô tô & Phụ tùng	-1.2	1.5	-0.1	42.9	93.0	74.4	0.6	0.2	9.5	1.0	13,377
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.3	3.1	4.4	-1.1	42.8	30.1	3.8	0.2	10.4	1.1	109,603
Ngân hàng	-1.3	1.5	10.0	-20.6	-7.3	1.8	19.8	-3.3	8.3	1.6	1,570,530
Tiện ích	-1.4	-4.8	1.5	13.7	31.2	23.2	2.1	0.4	11.7	1.9	310,123
Bất động sản	-1.6	5.8	2.0	11.5	61.7	80.3	25.3	4.3	14.2	1.3	766,804
Thực phẩm và đồ uống	-1.8	-5.3	-5.8	10.6	19.9	13.0	6.9	1.1	20.6	2.7	466,161
Hóa chất	-2.0	5.0	0.7	-5.5	37.9	27.4	3.8	0.1	6.0	1.1	130,446
Tài nguyên cơ bản	-2.2	1.6	14.8	-27.0	-18.0	-22.5	7.6	-2.0	25.7	1.1	160,781
Xây dựng và vật liệu	-2.6	4.4	12.6	-18.4	12.0	16.7	7.1	-1.0	6.9	1.0	99,327
Dầu khí	-2.8	-1.4	15.1	-4.2	5.1	10.1	1.2	0.0	39.0	2.1	57,772
Du lịch và Giải trí	-4.4	-4.2	-10.3	5.4	7.4	6.4	0.6	0.1	n.a	8.3	91,367
Tài chính	-4.7	13.6	20.3	-14.3	15.6	47.5	16.1	-1.3	7.9	1.1	112,936

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD) 1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,725**	**-0.4**	**76.2**	**270.0**	**327.4**
Nước ngoài	**2,559**	**-0.3**	**84.3**	**265.9**	**307.5**
VanEck Vectors Vietnam ETF	526	-1.8	-1.8	42.3	92.5
Fubon FTSE Vietnam ETF	800	0.0	64.0	64.0	65.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	725	0.0	23.6	86.2	138.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	329	1.6	-1.8	45.8	54.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	147	0.0	0.0	25.9	-45.2
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.3	0.3	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.0	0.0	1.3	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,166**	**-0.1**	**-8.1**	**4.1**	**19.8**
DCVFMVN Diamond ETF	601	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	360	0.1	-5.1	9.5	19.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	165	-0.2	-3.4	-5.3	1.1
MAFN VN30 ETF	27	0.0	0.0	-0.3	-0.3
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	-0.1	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.0	0.4	0.4	0.4

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD) WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	22,975	26,831	-160,700
Ấn độ	557	780	780	-1,703
Indonesia	209	392	392	838
Nhật Bản*	17,924	17,925	17,925	-2,617
Maylaysia	12	16	16	-407
Philippines	-126	-48	-68	-68
Hàn Quốc	797	585	585	6,055
Sri Lanka	0	0	0	1
Đài Loan	422	150	150	8,468
Thái Lan	12	-4	-4	-1,649
Việt Nam	-60	-88	-88	130

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

	-126	-48	-68	-68

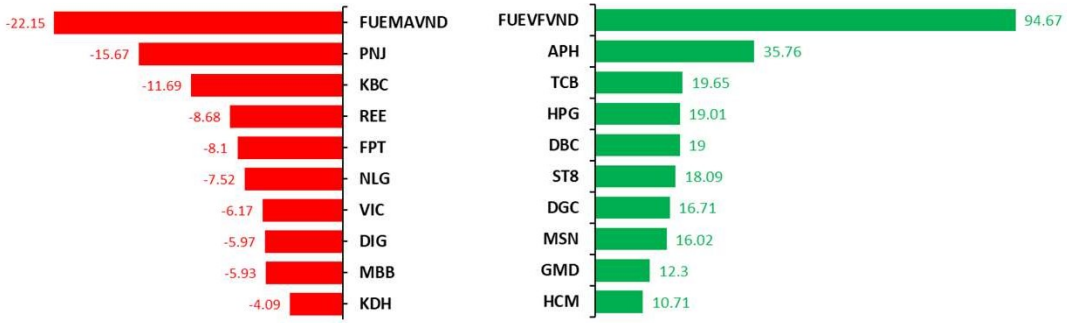
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

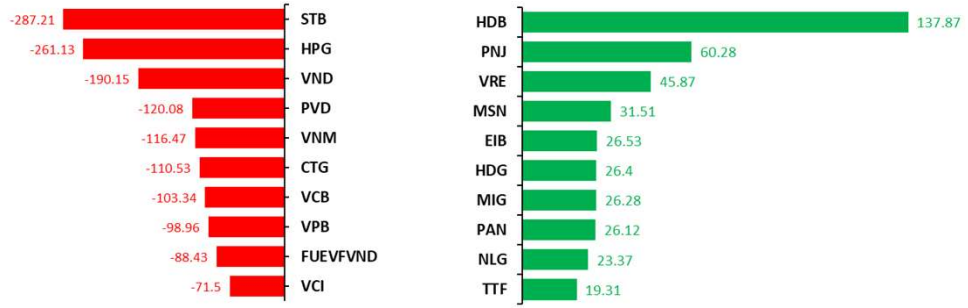
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-17	-63	36	27
Tài nguyên Cơ bản	17	-243	226	17
Truyền thông	0	1	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42	-54	-68	122
Y tế	0	-2	1	1
Hóa chất	25	-159	143	16
Dịch vụ tài chính	118	-445	416	29
Du lịch và Giải trí	3	6	-204	197
Ngân hàng	25	-535	807	-272
Xây dựng và Vật liệu	-1	-1	139	-137
Thực phẩm và đồ uống	44	-133	159	-25
Bán lẻ	5	9	31	-40
Điện, nước & xăng dầu khí đ	1	-55	122	-67
Hàng cá nhân & Gia dụng	-16	34	28	-62
Công nghệ Thông tin	10	5	-7	1
Ô tô và phụ tùng	0	-10	-3	13
Bảo hiểm	1	18	-8	-10
Dầu khí	1	-110	118	-8
Tổng	258	-1,735	1,934	-199

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HQC	Bất động sản	1.50 - 7.54	4.2	-7.78%
2	TCH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.31 - 19.20	7.4	-7.30%
3	VIX	Dịch vụ tài chính	4.92 - 20.38	7.5	-7.06%
4	OGC	Dịch vụ tài chính	5.64 - 16.50	8.0	-6.98%
5	KHG	Sản xuất nông nghiệp	3.78 - 15.07	4.8	-6.98%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
11.57%	10.7	8.41 - 16.35	Xây dựng và Vật liệu	VNE
10.29%	19.3	12.00 - 42.26	Bất động sản	TIP
10.11%	9.9	7.48 - 11.60	Tài nguyên Cơ bản	HHP
9.32%	56.3	46.20 - 67.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TMP
7.84%	9.9	22.15 - 61.00	Hóa chất	CSV

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	25.10 - 43.70	25.1	-40.52%
2	CMC	Ô tô và phụ tùng	4.20 - 13.50	4.8	-20.00%
3	NHC	Xây dựng và Vật liệu	24.50 - 37.40	24.5	-17.51%
4	TMX	Xây dựng và Vật liệu	7.70 - 12.30	9.4	-15.32%
5	DHP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.90 - 13.10	10.3	-14.88%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.37%	26.8	16.40 - 77.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PRC
17.02%	16.5	13.48 - 23.10	Truyền thông	LBE
14.24%	69.8	58.40 - 92.00	Thực phẩm và đồ uống	SGC
13.37%	21.2	12.30 - 48.50	Y tế	DNM
13.25%	9.4	5.40 - 16.57	Xây dựng và Vật liệu	S99

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SQC	Tài nguyên Cơ bản	2.70 - 19.40	7.0	-29.29%
2	MPT	Hàng cá nhân & Gia dụng	0.50 - 2.40	0.5	-28.57%
3	BBH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.40 - 20.00	11.6	-27.50%
4	ICI	Xây dựng và Vật liệu	4.70 - 9.40	5.6	-24.32%
5	DC1	Xây dựng và Vật liệu	4.50 - 16.60	6.0	-24.05%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
66.13%	10.3	3.80 - 14.50	Xây dựng và Vật liệu	YBC
64.81%	8.9	4.40 - 18.50	Hàng cá nhân & Gia dụng	LGM
41.28%	15.4	5.00 - 17.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SSG
39.44%	9.9	6.90 - 16.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TVW
34.09%	29.5	15.00 - 29.90	Thực phẩm và đồ uống	IFS

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,583.6	334.7	14.6	10.50 - 21.35	2.8
2	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	24,447.6	174.1	57.3	53.30 - 118.00	4.9
3	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	8,034.4	153.0	17.2	11.75 - 29.57	6.2
4	PET	PETROSETCO	Bán lẻ	21,454.6	106.4	23.3	11.68 - 61.73	5.9
5	EVF	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	2,442.4	104.4	7.8	6.01 - 14.60	2.6
6	HDG	Tập đoàn Hà Đô	Bất động sản	42,081.0	102.5	32.2	21.65 - 58.33	2.9
7	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	457,963.1	93.4	14.2	10.05 - 87.80	6.0
8	SAB	SABECO	Thực phẩm và đồ uống	28,553.6	85.9	167.0	149.00 - 203.00	-5.6
9	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,241.4	83.9	37.7	25.15 - 42.40	-0.7
10	DHC	Đông Hải Bến Tre	Tài nguyên Cơ bản	7,785.9	79.0	40.1	25.13 - 75.83	2.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

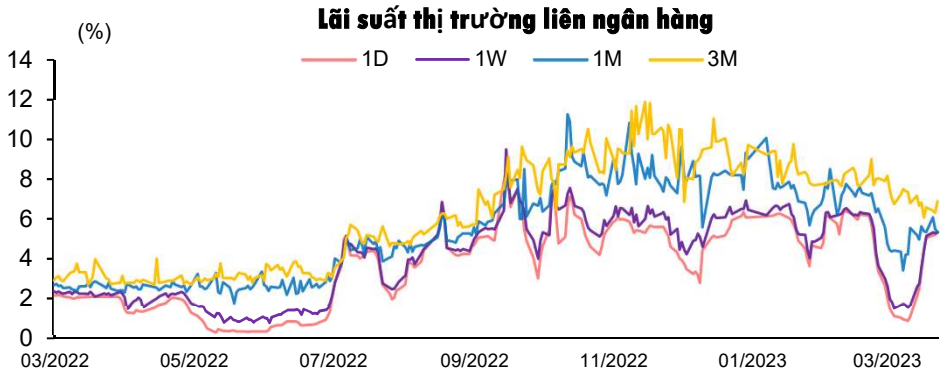
Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	100.93	-0.88	-2.58	-1.25	-2.50	
VND/USD	23,446	-0.02	-0.61	0.01	-0.79	
KRW/USD	1,299.05	-1.36	-0.88	5.13	2.65	
JPY/USD	132.46	0.23	-1.31	3.02	1.02	
EUR/USD	0.90	-1.41	-2.96	-2.16	-3.21	
SGD/USD	1.33	-0.29	-1.43	0.36	-1.02	
CNY/USD	6.85	-0.24	-0.32	1.68	-0.68	

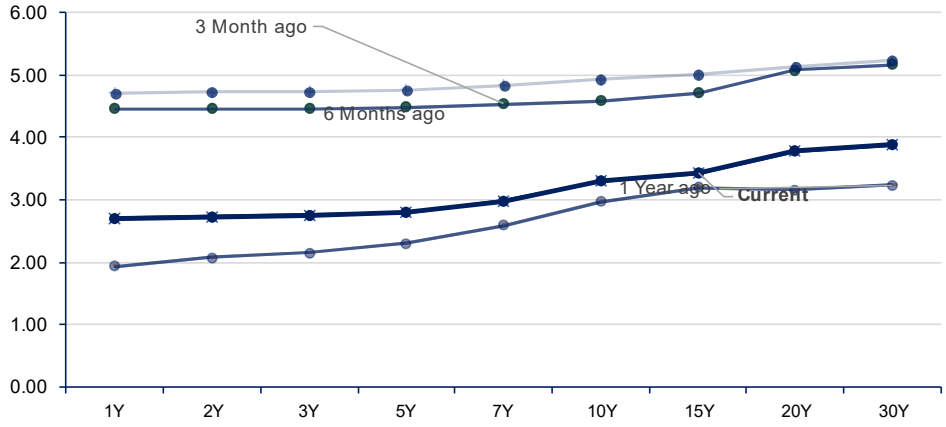
Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	82.41	2.12	15.53	3.19	2.68	
Xăng	284.33	1.07	11.37	12.26	15.60	
Gas	2.04	1.39	-20.75	-40.36	-54.44	
Than	190.75	-3.66	4.29	-48.48	-52.80	
Vàng	2,039.33	1.56	7.11	6.44	11.80	
Bạc	26.01	4.13	19.88	7.24	8.58	
Platinum	1,050.60	3.83	6.43	-1.48	-2.21	
Quặng sắt	119.92	0.64	-8.10	-1.97	7.76	
Thép cán	4,228.00	-1.35	-6.97	0.71	1.95	
Lúa mì	666.00	-1.41	-2.99	-10.45	-15.91	
Ngô	653.75	1.59	4.18	-3.15	-3.65	
Gỗ	411.40	6.88	16.35	19.59	10.09	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam



Nguồn: SBV



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.70	2.72	2.75	2.79	2.98	3.29	3.42	3.78	3.88
Thay đổi (BPS)*	-7.70	-15.20	-5.00	-8.70	-8.40	-7.80	-10.20	0.00	0.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL
Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK
Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG
Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA
PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI
Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.